

Bản án số: 285/2017/DS-PT
Ngày 27-9-2017
V/v tranh chấp ranh giới
quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Chí Tâm

Các Thẩm phán: Ông Trần Phước Hội

Bà Nguyễn Thị Mai

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Ngọc Hà - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Ngọc Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2017 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 29/2017/TLPT-DS ngày 27 tháng 02 năm 2017 về tranh chấp ranh giới quyền sử dụng đất.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 03/2017/DS-ST ngày 16 tháng 01 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện C bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 116/2017/QĐPT-DS ngày 01 tháng 6 năm 2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn X, sinh năm 1968;

Bà Trần Thị H1, sinh năm 1977;

Chị Nguyễn Thị Yến H2, sinh năm 1997;

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là bà Trần Thị H1.

Cùng địa chỉ: Số H, Tổ A, ấp T.H, xã T.N.Đ, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1961;

Địa chỉ: Tổ A, ấp T.H, xã T.N.Đ, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của ông T là ông Trần Thanh H3, sinh năm 1963;

Địa chỉ: Tổ B, Đường số C, Phường D, thành phố T.A, tỉnh L.

Bà Nguyễn Thị Kim L, sinh năm 1963;

Địa chỉ: Tổ A, ấp T.H, xã T.N.Đ, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Anh Nguyễn Hoài H4, sinh năm 1985;

Địa chỉ: Tổ A, ấp T.H, xã T.N.Đ, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Ông Nguyễn Văn N1, sinh năm 1971;

Địa chỉ: ấp T.T, xã T.N.Đ, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Ông Nguyễn Văn H3, sinh năm 1973;

Địa chỉ: ấp T.H, xã T.N.Đ, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

- Người kháng cáo: Nguyên đơn ông Nguyễn Văn X và bị đơn ông Nguyễn Văn T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Nguyên đơn ông Nguyễn Văn X, bà Trần Thị H1, chị Nguyễn Thị Yến H2 trình bày:*

Nguồn gốc tranh chấp đất trước kia của ông Nguyễn Văn T1 (là cha của ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị T2, ông Nguyễn Văn X, ông Nguyễn Văn N1, ông Nguyễn Văn H3) chết để lại cho ông X một phần đất trồng cây lâu năm. Đất có diện tích 456m², thuộc thửa số 293, tờ bản đồ số 52 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số bìa BQ 679713, sổ vào sổ CH02612 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 15/01/2014 đất tọa lạc tại ấp T.H, xã T.N.Đ giáp ranh với đất ông Nguyễn Văn T. Từ trước đến nay ranh đất giữa hai bên có cắm trụ đá ranh hai đầu kéo thẳng, hiện nay ông T xây dựng nhà lán qua đất của ông X khoảng 1,4m đầu trong và 0,7m đầu ngoài giáp lộ giao thông, chiều dài giữa hai trụ đá là 20m, tổng diện tích khoảng 21m². Nay bà H1 đại diện ông X, chị H2 yêu cầu buộc ông T, bà L phải trả diện tích tranh chấp đo đạc thực tế trong phạm vi các mốc 1, 20, 2, 3, 9 diện tích 159,6m² để xác định lại ranh đất có vị trí tính từ mốc số 1 đến mốc số 20 thẳng ra mốc số 2.

- *Bị đơn ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Kim L trình bày:*

Diện tích đất 790m², thửa 140, tờ bản đồ số 52 là do ông T, bà L đứng tên quyền sử dụng đất ngày 31/12/2013 có nguồn gốc chuyển nhượng của ông N1, ông X vào năm 1981. Năm 1984 ông T xây dựng nhà tạm trên đất này, ông T1 đứng ra chỉ vị trí cho ông T xây dựng nhà và các anh chị em trong gia đình không ai có ý kiến gì. Đến năm 2009 ông T, bà L xây dựng lại nhà đang ở hiện nay; lúc này ông T1 còn sống, ông T1 có cho ông T, bà L xây dựng nhà

lấn qua phần đất của ông T1 để thuận theo dòng nước con sông. Tháng 8 năm 2013 ông T1 chết, đến tháng 12 ông X, ông N1, ông H3 mới đi đăng ký thừa kế đối với phần đất của ông T1 để lại cho các ông theo di chúc. Đất ông T1 cho ông T trước khi cho đất ông X; vì vậy theo ông T thì ranh đất của ông T với ông X là đường thẳng từ mốc số 1 đến mốc số 3 (là trụ đá) thẳng ra mốc số 2 ở cuối đất, theo sơ đồ đo đạc đất thực tế. Ngoài ra thì sơ đồ đo đạc trên thì phần đất thực tế của ông T có diện tích ít hơn so với diện tích mà ông T được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trụ đá ở vị trí ở mốc số 3 trước đây là do ông T1 và em là ông Nguyễn Văn T3 trồng cắm ranh; nhưng vào năm 2015 thì ông X tự ý đập ngã do nói ông T lấn ranh nên ông T, ông X đã xác định ranh đất với nhau và ông X đã đổ bê tông để xác định ranh là từ mé cuối nhà ông T đến cuối nhà ông X; còn từ mé nhà của ông X ra trụ mốc số 2 thì ông T đắp bờ ngăn nước.

Nay ông X, bà H1, chị H2 xác định ranh đất là đường thẳng từ mốc số 1 đến mốc số 2 và yêu cầu ông T, bà L phải di dời nhà trả lại phần đất cho ông X thì ông T, bà L không đồng ý. Ông T, bà L cũng không đồng ý trả giá trị đối với phần đất trên vì đây là phần đất mà ông T1 đã cho ông T, bà L lúc ông T1 còn sống quản lý sử dụng đất này.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn N1 trình bày:

Ông N1 xác nhận vào năm 2009 ông X, ông N1, ông H3 có thỏa thuận chuyển nhượng lại phần đất của chị là bà Nguyễn Thị T2 trên diện tích 1.370m² do bà T2 đứng tên quyền sử dụng đất, giá trị 2,1 lượng vàng 24k. Ông X, ông N1, ông H3 mỗi người trả cho bà T2 7 chỉ vàng 24k. Tuy nhiên lúc đó giữa ông N1, ông X, ông H3, bà T2 và ông T1 thỏa thuận là bà T2 sẽ chuyển cho ông T1 đứng tên quyền sử dụng đất phần đất trên và ông T1 sẽ làm di chúc để lại phần đất trên cho 3 người là ông X, ông N1, ông H3; khi đó còn ông T1 đứng ra và mời địa chính xã đến đo đạc cắm trụ đá xác định ranh cụ thể cho từng người. Nay ông X, bà H1 khởi kiện tranh chấp ranh giới quyền sử dụng đất với ông T thì ông N1 không có ý kiến gì và cũng không có tranh chấp gì đối với phần đất tranh chấp này.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn H3 trình bày:

Ông H3 không có liên quan gì đến tranh chấp ranh đất giữa ông X với ông T. Ông H3 cũng không có ý kiến gì phần đất tranh chấp này.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Hoài H4 trình bày:

Anh H4 không có ý kiến gì và yêu cầu gì phần đất tranh chấp này.

Bản án dân sự sơ thẩm 03/2017/DS-ST ngày 16 tháng 01 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện C đã quyết định:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu xác định ranh đất của các nguyên đơn ông Nguyễn Văn X, Trần Thị H1, Nguyễn Thị Yến H2.

Xác định ranh đất giữa đất Nguyễn Văn X, Trần Thị H1, Nguyễn Thị Yến H2 và đất ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Kim L là đường thẳng từ đầu mốc 2 đến mốc 20 theo sơ đồ đo đạc ngày 15/9/2016.

Buộc hộ ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Kim L giao trả lại cho ông Nguyễn Văn X, bà Trần Thị H1, chị Nguyễn Thị Yến H2 phần diện tích 44,1m² đất trồng cây lâu năm, thuộc thửa 293 tờ bản đồ số 52 vị trí tại các mốc 9, 20, 2, 3, 9 theo trích đo hiện trạng đất tranh chấp ngày 15/9/2016 của Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất huyện C.

2. Giữ nguyên hiện trạng ranh đất giữa đất ông Nguyễn Văn X, bà Trần Thị H1, chị Nguyễn Thị Yến H2 và đất ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Kim L.

Xác định ranh đất giữa đất ông Nguyễn Văn X, bà Trần Thị H1, chị Nguyễn Thị Yến H2 và đất ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Kim L là đường thẳng từ mốc 1, 9 theo sơ đồ đo đạc ngày 15/9/2016.

Các chương ngại vật tính theo đường ranh đất được xác định theo không gian và lòng đất, theo chiều thẳng đứng của ranh đất, nếu bên nào vi phạm có trách nhiệm tháo dỡ, di dời để sử dụng ranh giới quyền sử dụng đất đúng theo quy định của pháp luật.

Ông Nguyễn Văn X, bà Trần Thị H1, chị Nguyễn Thị Yến H2 và ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Kim L có trách nhiệm đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền để kê khai đăng ký điều chỉnh lại diện tích theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đúng với diện tích thực tế đang sử dụng theo quy định của pháp luật đất đai.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Nguyễn Văn T phải chịu 200.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Ông Nguyễn Văn X được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 630.000 đồng theo biên lai thu số 038340 ngày 15/12/2015 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

- Về chi phí đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản: Tổng cộng 2.725.000 đồng ông Nguyễn Văn X (đã nộp tạm ứng và đã chi xong) mỗi bên phải chịu 50% chi phí, do đó ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Kim L phải có trách nhiệm trả lại cho ông Nguyễn Văn X, bà Trần Thị H1, chị Nguyễn Thị Yến H2 số tiền 1.362.500 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của ông Nguyễn Văn X, Trần Thị H1, Nguyễn Thị Yến H2 mà ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Kim L

chưa thi hành số tiền trên thì hàng tháng còn phải chịu lãi theo mức lãi suất 50% của mức lãi suất được qui định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự tại thời điểm thi hành án, tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Ngoài ra bản án còn tuyên thời hạn kháng cáo của các đương sự, quyền yêu cầu thi hành án.

Ngày 19/01/2017 nguyên đơn ông Nguyễn Văn X và bị đơn ông Nguyễn Văn T có đơn kháng cáo toàn bộ bản án.

Tại phiên tòa phúc thẩm ông Nguyễn Văn X, bà Trần Thị H1, ông Nguyễn Văn N1; ông Nguyễn Văn T và người đại diện theo ủy quyền ông T là ông Trần Thanh H3 có mặt. Anh Nguyễn Hoài H4, bà Nguyễn Thị Kim L, ông Nguyễn Văn H3 vắng mặt.

Ông X, chị H1 giữ nguyên kháng cáo yêu cầu ông T, bà L trả lại đất để xác định ranh đất đường thẳng là từ mốc 1 đến mốc 2.

Ông T yêu cầu giữ nguyên diện tích ranh đất đã được xác định từ khi cha các ông là ông T1 còn sống là từ mốc 1 đến mốc trụ đá 3 về mốc 2.

- Ông N1 trình bày ông đồng ý theo ý kiến của ông X, chị H1 là không có trụ đá ranh thứ 3 giữa đất và việc đo đạc đất thì phần đất đo cặp nhà ông T ra thẳng mốc số 2. Ông không có yêu cầu gì trong vụ án.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử đúng quy định pháp luật, các đương sự chấp hành tốt quy định tại phiên tòa. Bà L, anh H4, ông Nguyễn Văn H3 vắng mặt lần thứ hai không có lý do theo quy định Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

Về nội dung đề nghị chấp nhận một phần kháng cáo của ông X, ông T; sửa bản án sơ thẩm, xác định ranh đất giữa ông X và ông T tại các mốc 1- A- D - 19 – 20 (theo sơ đồ trích đo hiện trạng ngày 20/9/2017 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C).

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Phần đất tranh chấp thuộc một phần thửa 293, tờ bản đồ số 52, diện tích 456m² do ông Nguyễn Văn X đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 15/01/2014 với ranh thửa đất 140, diện tích 790m², tờ bản đồ số 52 do ông Nguyễn Văn T đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 31/12/2013. Đất tọa lạc tại ấp T.H, xã T.N.Đ, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

[2] Về nguồn gốc đất của ông Nguyễn Văn T1 là cha của ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị T2, ông Nguyễn Văn X, ông Nguyễn Văn N1, ông Nguyễn Văn H3.

Đất ông Nguyễn Văn T và vợ là bà Nguyễn Thị Kim L đang sử dụng là ông T1 cho ông N1, ông X một phần đất; năm 1981 ông N1, ông X chuyển nhượng cho ông T và bà L diện tích đất 790m². Năm 1984 ông T, bà L xây dựng nhà ở trên thửa đất này. Đến năm 2006 theo hợp đồng chuyển nhượng đất với ông T1 nên ông T đi đăng ký quyền sử dụng đất tại thửa 1514/267, T1 bản đồ số 7, diện tích 790/3629, mục đích đất trồng cây lâu năm, được Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 08/11/2006 cho ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Kim L đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Năm 2009 ông T, bà L xây dựng cất lại nhà và có hỏi ý kiến của ông T1 là cho ông T, bà L xây dựng lại nhà có xéo lấn qua phần đất của ông T1; ông T1 đồng ý cho ông T, bà L xây dựng. Đến ngày 31/12/2013 ông T, bà L làm thủ tục cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định và được Ủy ban nhân dân huyện C cấp đổi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc thửa số 140, tờ bản đồ số 52, diện tích 790m² (qua đo đạc thực tế còn 667,3m²).

[3] Diện tích đất còn lại của ông T1 thì ông X, ông N1 có trả vàng phần đất sang lấp cát cho bà Nguyễn Thị T2 vào năm 2010. Đất năm 2011 ông T1 được cấp quyền sử dụng đất diện tích 1.370m²; ngày 28/11/2011 ông Nguyễn Văn T1 có lập di chúc chia đất cho các con gồm ông X, ông N1, ông H3. Năm 2013 ông T1 chết; năm 2014 ông X, ông N1, ông H3 kê khai đăng ký và được Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất như diện tích đất ông Nguyễn Văn X diện tích 456m², ông Nguyễn Văn N1 diện tích 457m², ông Nguyễn Văn H3 diện tích 457m². Qua đo đạc thực tế phần diện tích đất của ông X diện tích 378,2m², ông H3 diện tích 442,2m², ông N1 diện tích 476,1m².

Ông X, bà H1, chị H2 yêu cầu ông T, bà L trả lại diện tích đất lấn chiếm khoảng 21m². Đo đạc thực tế trước đây thì yêu cầu là 59,6m², trong đó phần ông T xây dựng nhà lấn qua phần đất ông X diện tích 15,5m² tính từ mốc số 1 đến mốc số 9, 20 về mốc 1, còn phần đất phía sau nhà ông T qua đất ông X 44,1m² thể hiện mốc số 9 qua mốc 20, 2, 3 về mốc 9. Để xác định ranh đất từ mốc 1 đến mốc 2 theo trích đo hiện trạng đất tranh chấp ngày 15/9/2016 của Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất huyện C.

[4] Xét kháng cáo ông X, ông T theo yêu cầu của các đương sự về phần đất ông T xây dựng nhà lấn qua đất ông X theo đo đạc thực tế lại là sân nền nhà và phần xây dựng nhà lấn qua phần đất ông X có vị trí tính từ các mốc 1, A, D, đến 19 qua mốc 20; phần đất phía sau nhà ông T qua đất ông X 44,1m²

thể hiện mốc số 19, qua mốc số 20 thẳng đến mốc số 2, 3 về 19 theo trích đo hiện trạng đất tranh chấp ngày 20/9/2017 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C (trước đây là Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất huyện C). Xét ông X, bà H1 yêu cầu ông T, bà L di dời nhà trả lại phần đất đã lấn chiếm qua đất của ông X là không có căn cứ, vì: phần đất ông T chuyển nhượng của ông N1, ông X từ năm 1981; việc xây dựng nhà có lấn qua đất ông T1 vào năm 2009 là do ông T1 đồng ý không có ai tranh chấp gì. Đến năm 2013 ông T1 (chết); năm 2014 ông X1 đi kê khai đăng ký quyền sử dụng đất thừa hưởng theo tờ di chúc ngày 28/11/2011. Trong di chúc ông T1 ghi rõ ý kiến ông T1 như sau: ông T1 có diện tích đất theo giấy chứng nhận là 1.370m² đất. Sau khi ông T1 chết quyền sử dụng đất để lại được chia đều cho 03 người con: ông X, ông N1, ông H3. Diện tích đất thực tế có tăng hay giảm, có thay đổi về giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì các con tôi vẫn được thừa hưởng theo giấy chứng nhận mới sau này”. Ông X được hưởng và đăng ký quyền sử dụng đất là 456m². Do đất cất nhà ông T sử dụng từ trước được ông T1 cho; ông X được hưởng thừa kế sau vị trí, diện tích đất có sự thay đổi nên không chấp nhận yêu cầu của ông X, bà H1 yêu cầu ông T, bà L trả lại phần diện tích ranh đất nhà ông T đang ở. Về phần sân nền nhà có bó nền và lót gạch tàu xây nhiều hơn chiều ngang vị trí căn nhà của ông T được xác định tại vị trí ranh đất giao cho ông X, chị H1 thì ông T đồng ý không yêu cầu tranh chấp trả giá trị xây dựng nên không xem xét giải quyết.

Còn phần phía sau mốc D, 19 qua mốc số 20 thẳng ra mốc số 2 (giáp thửa 227) thì diện tích đất này các bên chưa sử dụng nhưng đất đã được cấp quyền sử dụng đất cho ông X, bà H1. Ông T kháng cáo không đồng ý vì cho rằng có trồng trụ đá thứ ba làm ranh đất hai bên nhưng ông X không thừa nhận. Ông T thừa nhận ông T1 chỉ cho phần đất diện tích đất cất nhà lấn qua, còn phần diện tích đất này ông T thừa nhận lấn của ông X. Tại biên bản hòa giải ngày 30/7/2015 của Ủy ban nhân dân xã T.T.Đ, ông T đồng ý xác định trụ ranh 02 đầu đất là đúng về nhà và đất lấn qua thì xin được tạm giữ nguyên khi nào ông X có chuyển quyền thì ông sẽ di dời trả lại phần diện tích đất này. Do đó ông T, bà L phải trả lại cho ông X diện tích đất trồng cây lâu năm, tính từ mốc 19 qua mốc số 20 đến mốc số 2 theo trích đo hiện trạng đất tranh chấp 20/9/2017 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C.

Từ những nhận định trên Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu của ông X, bà H1 đối với ông T, bà L về phần ranh đất tranh chấp là có căn cứ, phù hợp với tình tiết khách quan của vụ án nên không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông X, ông T. Tuy nhiên, tại phiên tòa ông X và ông T yêu cầu xem xét, thẩm định tại chỗ để có số liệu phù hợp thực tế và qua đo đạc lại thì vị trí đã tranh chấp hai bên vẫn thống nhất, diện tích cũng không thay đổi

nhưng số đo các cạnh có sự chênh lệch nên sửa án sơ thẩm về phần kích thước sơ đồ đất.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Do chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn xác định lại ranh đất nên nguyên đơn được nhận lại tiền án phí dân sự sơ thẩm. Bị đơn phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Đồng thời chi phí đo đạc, thẩm định, định giá tài sản tranh chấp với tổng số tiền là 2.725.000 đồng (trong đó chi phí đo đạc 2.125.000 đồng, chi phí định giá 600.000 đồng) số tiền này bên ông X đã tạm ứng và chi xong, nên mỗi bên chịu 50% chi phí, do đó hộ ông T, bà L phải có trách nhiệm trả lại cho ông X số tiền 1.362.500 đồng là đúng quy định pháp luật nên không chấp nhận kháng cáo này của ông T.

Qua phân tích nêu trên xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân là đúng quy định pháp luật và có căn cứ nên chấp nhận.

Án phí phúc thẩm: Do sửa bản án sơ thẩm nên các đương sự không phải chịu tiền án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Các Điều 175, 176 của Bộ luật dân sự; Điều 95 của Luật đất đai.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn X và ông Nguyễn Văn T.

Sửa bản án sơ thẩm.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu xác định ranh đất của các nguyên đơn ông Nguyễn Văn X, bà Trần Thị H1, chị Nguyễn Thị Yến H2.

Xác định ranh giới giữa thửa đất 293 của ông Nguyễn Văn X, bà Trần Thị H1, chị Nguyễn Thị Yến H2 với thửa đất 140 của ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Kim L là đường thẳng từ đầu mốc 1 đến mốc A, D qua 19, 20 đến mốc 2 theo sơ đồ đo đạc ngày 20/9/2017 của Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất huyện C.

Các chương ngại vật tính theo đường ranh đất được xác định theo không gian và lòng đất, theo chiều thẳng đứng của ranh đất, nếu bên nào vi phạm có

trách nhiệm tháo dỡ, di dời để sử dụng ranh giới quyền sử dụng đất đúng theo quy định của pháp luật.

Các đương sự có trách nhiệm đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền để kê khai đăng ký điều chỉnh lại diện tích theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đúng với diện tích thực tế đang sử dụng theo quy định của pháp luật đất đai.

2. Về chi phí, án phí tố tụng:

- Về chi phí đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản: Tổng cộng 2.725.000 đồng ông Nguyễn Văn X (đã nộp tạm ứng và đã chi xong) mỗi bên phải chịu 50% chi phí, do đó ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Kim L phải có trách nhiệm trả lại cho ông Nguyễn Văn X, Trần Thị H1, Nguyễn Thị Yến H2 số tiền 1.362.500 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của ông Nguyễn Văn X, Trần Thị H1, Nguyễn Thị Yến H2 mà ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Kim L chưa thi hành số tiền trên thì hàng tháng còn phải chịu lãi theo mức lãi suất 50% của mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự tại thời điểm thi hành án, tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Nguyễn Văn T phải chịu 200.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Ông Nguyễn Văn X được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 630.000 đồng theo biên lai thu số 038340 ngày 15/12/2015 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

- Án phí dân sự phúc thẩm:

+ Ông Nguyễn Văn T được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 11921 ngày 20/01/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

+ Ông Nguyễn Văn X được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 11920 ngày 20/01/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

Trường hợp, bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực ngay.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát tỉnh Đồng Tháp;
- Tòa án huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đinh Chí Tâm